

## KIM-OANH-KÝ

## BÁT-TỰ LỮ-TÀI

Hai mươi bốn tiết khí mùa màng. Hôn nhưn lữ-tài phi cung, Bát tự hiệp hôn định cuộc, Bát-trạch minh-cảnh phi cung định cuộc. Vòng lục-giáp, Ngũ-hành luân chuyển. Ngũ-hành hiệp-hôn, Hung niên kị. Đại-lợi ngoạt kết hôn kiết nhựt, Kị xích khẩu, hội hôn. Sinh lễ thỉnh kỳ. Nạp thể vấn danh. Tống lễ kiết nhựt và kị nhựt. Giá thú kiết nhựt, Giá thú kị nhựt, Giá thú Châu đường. Bạch hổ hành giá kị. Bất tương kiết nhựt. Nạp tế Châu đường. Thiên cầu phương (hướng nhập phòng). Tạo sàng kiết nhựt và Tạo sàng hung nhựt, Di-sàng Châu-đường, An sàng kị nhựt.

Xem ngày tốt nên cất áo. Chồng cung Khảm, cưới vợ cung gì? Bát-trạch minh-cảnh thế nào? Bát-tự lữ-tài nói sao? Ngày nào xung kị tuổi. Ngày nào xung không kị tuổi. Coi giờ kết hôn. Cách nắm tay xem tuổi vợ phá sản. Tuyệt phòng phu. Tuyệt phòng thê. Mười hai tháng kết hôn kị và hạp. Coi hai mươi tám vì sao, Nhị thập bát tú...



# KIM OANH KỶ

## BÁT-TỰ LỮ-TÀI

### TUỔI TÁC HÔN-NHON

Đồng tứ trạch quyết :

Khâm ly chấn tôn thị nhứt gia,

Tây tứ quí hào mạc phạm the.

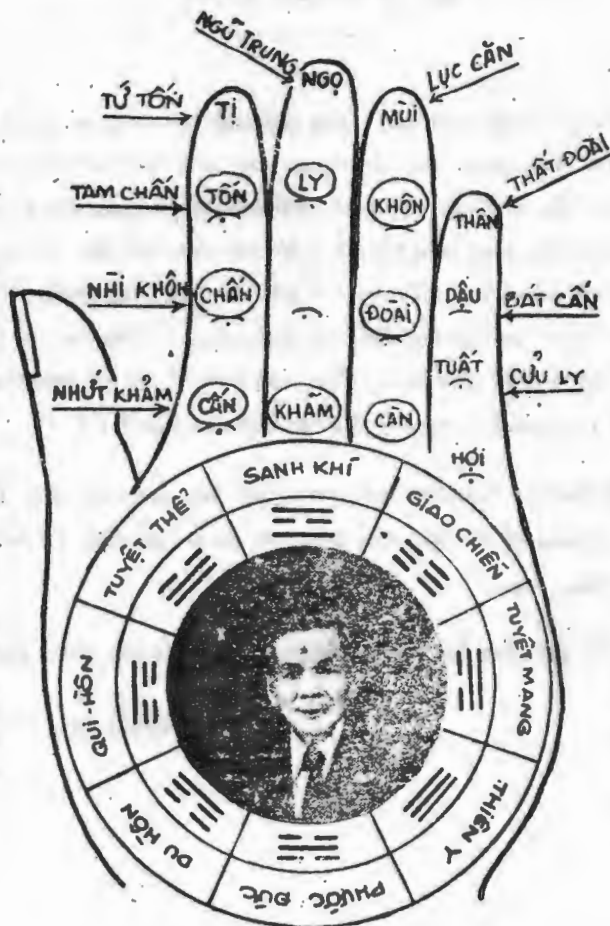
Nhược hườn nhứt khí tu thành tượng.

Tứ tôn hưng vượng địn h vinh hoa.

Vợ chồng phải tuổi giao hòa,

Cháu con hưng vượng cửa nhà vẻ vang.

Cứ trong sách vở mà bàn.



### NGÀY GIỜ GIÁ - THỨ

Tây tứ trạch quyết :

Cần khôn cần đoài tứ trạch đồng,

Đồng tứ quí hào bất khả phùng.

Quyết tương tha tượng hôn nhứt đc ;

Nhơn khẩu thương vong họa tặc trùng.

Nhược làm cung mệnh khắc xung,

Vào sấu re thâm chó dồng là hơn.

Lữ-tài tỏ hết nguồn cơn.

Sọn-giả : THÁI-KIM-OANH

In lần thứ nhứt

## LỜI NÓI ĐẦU

Những quyển sách nào càng mắc-mớ lại càng có giá-trị, xem được tìm hiểu được mới mở-mang, nào phải khó hần đâu ? Bạn cứ chăm-chỉ đọc suốt qua một lượt, chỗ hiểu được cũng tốt, không hiểu cũng phải đọc qua, miễn bạn đề ý đến nó. Đến khi đọc lại lượt nhì; tất có nhiều đoạn bạn hiểu được vì nó liên quan nhau từ đầu đến cuối; có đọc đoạn sau giờ mới hiểu rõ đoạn trước.— Bài nào chỉ bấm tay thì sẽ tay ra bấm theo nó.— Đoạn nào hiểu lờ mờ thì bạn lấy viết về giấy ít lượt thì biết ngay.— Cứ làm thử xem nào ???

Nhiều bạn thật ham mê, nhưng khi đọc đến đâu thấy khó đến đó và không hề tốn một nhều mực viết về ra thì chớ có hòng hiểu được thấu đáo.

Đã gọi rằng học, thì có ai học cái biết sẵn bao giờ, phải không các bạn ?

Soạn-già : THÁIKIM-OANH

## CẦN BIẾT NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

G. là Giáp. — B. là Bình. — Đ. là Đinh.  
 C. là Canh. — T. là Tân. — M. là Mậu là Mỗ.  
 NH. là Nhâm. — Q. là Quý. — NG. là Nguyệt.

Thiên Nguyệt-Đức là Thiên-Đức và Nguyệt-Đức.

Thiên Nguyệt-Đức hiệp là Thiên Đức-hiệp và Ng. Đức-hiệp.

Giáp : Tý, Tuất là Giáp-Tý và Giáp-Tuất.

Bình, Nhâm, Mậu : Tý là Bình-Tý, Nhâm-Tý và Mậu-Tý.

Giáp, Bình, Nhâm : Dần, Thìn là Giáp-Dần, Bình-Dần.

Nhâm-Dần và Bình-Thìn, Giáp-Thìn và Nhâm-Thìn,

Tháng tứ mệnh : là tháng Giêng, Tư, Bảy và tháng Mười.

Tháng tứ trọng : là tháng 2, 5, 8 và 11.

Tháng tứ quý : là tháng 3, 6, 9 và Chạp.

Lôi-đá là Thiên-lôi đá. Lôi-nhật là Thiên-lôi nhật.

Chánh phế, hoặc Tứ phế là Chánh tứ phế.

Hoang-vu là Thiên-địa hoang-vu.

Hung-bại là Thiên-địa hung-bại.

Âm dương thổ là Âm-thổ và Dương-thổ.

Những con số từ 1 tới 10 nếu nó đứng cặp với Hán ngữ, nên đọc là nhứt nhị tam tứ ngũ lục thất bát cửu thập.

Ví dụ 1 khâm đọc là nhứt khâm, 5 quý đọc là ngũ quý.

Có ganh (Th. 2) đặc biệt trong Thông-Thơ.

Gạnh (T. 3) đặc biệt trong Trần-tử-Tánh.

(B.T.M.C) đặc biệt trong Bát-Trạch Minh-Cảnh.

(B.T.B.K.) bất tường bất kị.

THÁI-KIM-OANH

## YẾU-TỐ CẦN BIẾT

Thuận hành là bấm thuận chiều kim đồng hồ đi.

Nghịch hành hay lùi lại là bấm ngược chiều.

Liên tiết là điềm liên mỗi cung.

Cách tiết là điềm 1 cung bỏ cách 1 cung.

Đại số là tính lên từ chục như 10, 20, 30 hoặc 21, 31, 41.

Tiểu số là tính tuổi lẻ 1, 2, 3, 4 hoặc 18, 19, 20, 21, 22, v.v...

Đại số cách tiết thuận như 1 tại Tý, 11 tại Dần, 21 Thìn.

Tiểu số liên tiết nghịch như : 21 tại Thìn, 22 Mẹo, 23 Dần.

Ghi vòng O trắng chỉ kiết, chấm đen như vầy ● là hung...

Tý là chuột có khi gọi là Thử, Sửu là trâu hay là Ngưu.

Dần là cạp, là Hồ, Mẹo là mèo hoặc Mão hay là Thỏ.

Thìn là rồng, là Long, Tị là rắn hay là Xà.

Ngọ là ngựa, là Mã hoặc Ngũ, Mùi là dê, là Vi là Vịt.

Thân là khỉ là Hã. Dậu là gà là Kê.

Tuất là chó, là Khuyển, Hợi là heo, là Trư hoặc Chư.

Mậu hay đọc là Mò, Chử « Tử » là con có dấu hỏi.

Chử « Tử » có dấu ngã là chết.

Nói chọn hoặc dùng Chấp, Định, Thành : là lựa ngày có trục

**Chấp, trục Định, trục Thành.**

12 Bàn lập thành những trang sau ta từng thấy là : Lục hạp, Tục thể, hoặc cả đọc như : Quy ki, Nghiêu bại, Thiên cầu đầu, nếu ở vào ô ngày nào là ngày đó có các vị ấy ; ở ô ngày Tý là ngày Tý có các vị ấy.

Nhược đề canh : Thiên nguyệt đức, Thiên-hậu nếu ở cung Tuất là ngày Canh-Tuất, Thiên-đức, Nguyệt-đức và Thiên-hậu, ngoài ra ngày Giáp-Tuất, Bình-Tuất, Mậu-Tuất và Nhâm-Tuất không có 3 vị ấy. Hoặc đề Kỳ quý : Sát công, nếu ở ô cung Mùi là ngày Kỳ-Mùi và Quý-Mùi có vị : Sát-công, còn lại Tân-Mùi, Ất-Mùi và Đinh-Mùi không có Sát-công.

Những ngày Thượng kiết hay Hạ kiết là ngày được tốt sẵn 1 phần nào vậy. Gặp những ngày đại kị có đóng khung tròn này :

( 2 4 6 9 10 12 15 17 20 25 26 28 )

thì phải chừa, tùy trường hợp có khi chế hóa dùng đặng tốt, ấy là ngày phạm Ông Cô Phu Phụ tùy theo tháng đủ tháng thiếu vậy. (Xin xem tiếp nơi trang 114 B.T.L.T...

Còn những ngày mùng 1, mùng 9, 17, 25 tháng đủ phạm chồng, tháng thiếu phạm vợ phải chừa, song mấy ngày ấy phạm chồng có Thiên đế, phạm vợ có Thiên hậu mà tốt thì dùng đặng, đại kiết.

## CĂN-BẢN CHỌN NGÀY KIẾT HUNG

Bạn cần hiểu bài này trước nhất : Tháng giêng là tháng Dần, tháng 2 Mẹo, 3 Thìn, 4 Tỵ, 5 Ngọ, 6 Mùi, 7 Thân, 8 Dậu, 9 Tuất, 10 Hợi, 11 Tý và tháng Chạp Sửu.

Đây bạn hãy xem thử. Lịch Phật bửu tự năm Giáp Thìn (1964) (hay xem lịch Á-Đông năm Ất-Tỵ 1965) có ngày như dưới đây :

<b>THÁNG GIÊNG</b> (Đù)	<b>MARS</b>
Kiến : Đinh-Mẹo	VENDREDI
<b>23</b>	<b>6</b>
Ngày Giáp-Dần	THỨ SÁU
Trực Bế	

Tuy đề tháng Giêng nhưng trong đó đề Kiến : Đinh-Mẹo, Mẹo là tháng 2. như vừa nói trên. Bạn tính từ đó về sau là tháng 2, là 23 tháng 2 mà chọn ngày Hôn-nhơn, tạo-tác các việc thì đúng, bằng dụng lăm còn tính là tháng Giêng thì hỏng. Mặc dầu lịch đề tháng nào thì đề, mình hãy căn cứ vào Kiến . . . Dần, hay Mẹo, Thìn, Tỵ mà định tháng.

Muốn nói rộng thêm nữa là :

Chẳng phải dở lịch tháng Giêng ra cứ tính từ mùng 1 đến 30 theo nó là tháng Giêng đâu ? Tháng nào cũng thế. Bạn thử dò liên tiếp lịch Á-Đông hoặc là Tam-tông-miếu tất thấy mỗi ngày 1 trực từ : Kiên, Trừ, Mão, Bình, Định, Chấp, Phá, Nguy, Thành, Thâu, Khai, Bế. Luân chuyển mãi và mỗi lượt độ trên dưới 30 ngày sẽ có 1 trực đóng liền 2 ngày, gọi 2 ngày đồng 1 trực ấy là Hòa trực là biết qua tháng khác.

Giả như tháng 8 năm Ất-Tỵ (1965) ngày 12 và 13 đều là trực Định, ngày 12 trực Định trước còn đề kiến : Giáp-Thân, Thân là tháng 7, tuy lịch đề tháng 8 mà phải tính nó tháng 7, và từ 13 cũng trực Định, kiến : Ất-Dậu, Dậu mới là tháng 8 và mãi đến 13 tháng 9 vẫn còn kiến : Ất-Dậu và phải tính cho tháng 8 mới đúng.

Thêm 1 ví dụ cho rộng hơn ; ngày Sát-chủ có câu : « Loài Kim Ngưu lên non thất trấn, viện Trư Đầu xuống đánh bát quan ». Nghĩa là tháng 7 ngày Sửu, tháng 8 ngày Hợi là Sát-chủ. Thì từ mùng 1 đến 12 tháng 8 vừa nói trên thuộc tháng 7 gặp ngày Sửu, là Sát-chủ, nên tuy lịch đề tháng 8 mà ngày Hợi không phải Sát-chủ. Từ 14 tháng 8 về sau, kiến Ất-Dậu mới là tháng 8 gặp ngày Hợi mới phải Sát-chủ, còn leo qua đến 13 tháng 9 vẫn còn kiến Ất-Dậu là còn thuộc tháng 8, nếu gặp ngày Hợi là Sát-chủ luôn.

Bạn xem và suy gẫm cho hiểu bài này, thế nào là Hòa Trực để biết trực khía, bữa sau qua tháng khác. Hãy căn cứ vào kiến. Dần là tháng Giêng... mãi đến kiến... Sửu là tháng Chạp. Còn sự có thêm Giáp, Ất hay Bính, Đinh v.v... trước Dần Mẹo Thìn Tị ấy có nói rõ bên trong cuốn này.

Mấy thầy thường xem ngày, họ không cần kiến gì hoặc tiết khí nào, họ độ lối 30 ngày họ xem chỗ 2 ngày Hòa Trực ấy mà nhắc lên tháng sau.

Lịch chỉ đếm ngày theo con trăng mỗi tháng 29 hoặc 30 ngày không đủ kịp theo mùa tiết, nên vài 3 năm phải có 1 năm 13 tháng gọi là năm nhuận. Tháng nhuận ấy nửa tháng bỏ túc cho các tháng thiếu về trước, còn nửa tháng để bù vào các tháng thiếu về sau.

Còn sự chọn ngày tháng dùng việc phải tính theo tiết khí, mỗi tháng có 29, hoặc 30, hoặc 31 ngày như Dương-lịch và cũng đi sát theo Dương-lịch luôn luôn, như ngày Lập-Xuân khi thì còn trong tháng Chạp, khi lại trễ gần giữa tháng Giêng, nhưng ngày Lập-Xuân luôn luôn là 4 hoặc 5 tháng 2 Dương lịch...

Soạn giả : THÁI-KIM-OANH

---

CÒN TIẾP